

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá viện phí TT1	Giá BHYT TT13	Loại PTTT	Giá TT22
436	Helicobacter pylori nuôi cấy, định danh và kháng thuốc	Lần	1314000	1314000		1,328,000
437	Mycobacterium tuberculosis nuôi cấy môi trường lỏng	Lần	278000	278000		286,000
438	Vi khuẩn kháng thuốc định lượng (MIC) (cho 1 loại kháng sinh)	Lần	184000	184000		191,000
439	Vi khuẩn kháng thuốc định tính	Lần	196000	196000		202,000
440	Vi khuẩn kháng thuốc hệ thống tự động	Lần	196000	196000		202,000
441	Vi khuẩn kỵ khí nuôi cấy và định danh	Lần	1314000	1314000		1,328,000
442	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh hệ thống tự động	Lần	297000	297000		307,000
443	Vi nấm nuôi cấy và định danh hệ thống tự động	Lần	297000	297000		307,000
	Vi khuẩn kháng thuốc định lượng (MIC) (cho 1 loại kháng sinh)[Thực hiện tại BV Bệnh					
4814	Nhiệt đới Trung Ương]	Lần	184000	184000		191,000
4815	Vi khuẩn kháng thuốc hệ thống tự động[Thực hiện tại BV Bệnh Nhiệt đới Trung Ương]	Lần	196000	196000		202,000
	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh hệ thống tự động[Thực hiện tại BV Bệnh Nhiệt đới					
4816	Trung Ương]	Lần	297000	297000		307,000